

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2022

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
Cao đẳng chính quy khóa 2014, 2017												
1	142A580059	Phạm Chuân	Hoành	25/05/1996	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Tiếng Anh	Tiếng Anh thương mại	96	2,05	Trung bình
2	172A570003	Lê Hồng	Lâm	07/11/1999	Nam	Khong	Kiên Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	102	2,41	Trung bình
Đại học chính quy khóa 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019												
3	131A140126	Phan Hồng	Phúc	20/04/1995	Nữ	Kinh	Bình Định	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	143	2,48	Trung bình
4	131A140059	Phan Nhật	Son	15/11/1995	Nam	Kinh	Đồng Nai	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	140	2,32	Trung bình
5	131A080019	Đỗ Thị Thanh	Thùy	15/04/1995	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	135	3,02	Khá
6	131A030070	Nguyễn Văn	Anh	25/05/1994	Nữ	Kinh	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	131	2,55	Khá
7	131A060057	Lê Xuân	Ba	04/02/1994	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	131	2,62	Khá
8	131A030164	Huỳnh Ngọc	Tuấn	19/02/1995	Nam	Kinh	Quảng Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	131	2,10	Trung bình
9	141A070059	Lâm Vũ	Bình	06/09/1996	Nam	Kinh	Kiên Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	128	3,05	Khá
10	141A080142	Vũ Phan Quang	Đạo	29/08/1996	Nam	Kinh	Kiên Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	128	2,14	Trung bình
11	141A070091	Trần Phan	Nhân	18/10/1996	Nam	Kinh	Gia Lai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	128	2,31	Trung bình
12	141A070031	Đoàn Nguyễn Nhật	Vy	28/10/1996	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	128	2,68	Khá
13	141A020025	Nguyễn Phú	Kiệt	14/08/1996	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	127	2,56	Khá
14	141A010051	Lê Kim	Anh	20/03/1996	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,31	Trung bình
15	141A140054	Nguyễn Thị Thu	Hà	29/04/1996	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,24	Trung bình
16	141A140049	Hoàng Thị Phương	Thảo	06/10/1996	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,63	Khá
17	141A140175	Lê Hà Cẩm	Xuyên	29/01/1995	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,57	Khá
18	141A150010	Trịnh Thị Huyền	Trang	04/08/1995	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,60	Khá
19	151A010065	Huỳnh Đức	An	05/09/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	126	2,20	Trung bình
20	151A010081	Cao Hoàng Uyên	Châu	09/02/1997	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	126	2,19	Trung bình
21	151A010267	Hình Nguyễn Duy	Chương	30/10/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	126	2,27	Trung bình
22	151A010181	Nguyễn Quốc	Hưng	12/12/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	126	2,65	Khá
23	151A010018	Phùng Thanh	Thiện	01/05/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	126	3,19	Khá
24	151A010266	Nguyễn Hồng	Tiến	26/05/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	126	2,38	Trung bình
25	151A010075	Lâm Thành	Tín	23/09/1996	Nam	Kinh	Sóc Trăng	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin quản lý	126	2,00	Trung bình
26	151A010058	Đàm Triệu	Vỹ	01/12/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	126	2,16	Trung bình

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
27	151A020105	Nguyễn Trường	Thành	06/12/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	127	2,90	Khá
28	151A030130	Châu Gia	An	29/11/1997	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,71	Khá
29	151A030268	Huỳnh Thị Kim	Anh	27/04/1997	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,41	Trung bình
30	151A030700	Trần Huỳnh	Ái	11/06/1997	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,20	Trung bình
31	151A031114	Nguyễn Hữu	Cần	11/06/1996	Nam	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	126	3,17	Khá
32	151A030572	Lương Nguyễn Ngọc	Châu	19/09/1996	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	126	2,37	Trung bình
33	151A030035	Nguyễn Trường	Duy	20/09/1997	Nam	Kinh	Long An	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	132	2,08	Trung bình
34	151A030511	Diệp Huân	Hào	07/11/1997	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	126	2,37	Trung bình
35	151A031372	Lương Thị	Lại	03/09/1997	Nữ	Kinh	Phú Yên	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,64	Khá
36	151A031160	Võ Thanh Trúc	Mai	20/09/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,83	Khá
37	151A030730	Hoàng Thị Mỹ	Ngân	01/09/1997	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,18	Trung bình
38	151A031044	Lê Quốc	Nhân	29/10/1997	Nam	Kinh	Bạc Liêu	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	126	2,75	Khá
39	151A030379	Trần Mỹ	Quyên	28/10/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị chuỗi cung ứng	126	2,45	Trung bình
40	151A030954	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	13/04/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,08	Trung bình
41	151A031192	Quách Thanh	Thanh	30/04/1997	Nữ	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,90	Khá
42	151A030968	Mạch Thị Thanh	Thảo	17/01/1997	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị chuỗi cung ứng	126	2,48	Trung bình
43	151A030181	Đoàn Văn	Thái	03/08/1996	Nam	Kinh	Tây Ninh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,50	Khá
44	151A030568	Mạch Thị Quỳnh	Trâm	06/03/1997	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	126	2,59	Khá
45	151A031220	Hoàng Anh	Tuấn	15/02/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	126	2,04	Trung bình
46	151A030992	Hồ Lưu Ngọc	Tuyền	26/08/1997	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,42	Trung bình
47	151A031357	Nguyễn Đỗ Phương	Tuyền	22/07/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,60	Khá
48	151A070033	Ngô Nhã	Tuấn	24/10/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	131	2,43	Trung bình
49	151A080402	Trần Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn - nhà hàng	128	2,26	Trung bình
50	151A020084	Trần Quang	Thiện	15/12/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn - nhà hàng	128	2,47	Trung bình
51	151A080144	Nguyễn Thị Phương	Tiên	03/09/1997	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn - nhà hàng	128	2,68	Khá
52	151A080529	Lê Thanh	Trúc	14/07/1997	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn - nhà hàng	128	2,36	Trung bình
53	151A100224	Võ Thị Tuyết	My	01/12/1997	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,65	Khá
54	151A100180	Đinh Tăng Hồng	Phúc	20/05/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,48	Trung bình
55	151A100148	Phan Huỳnh Hữu	Thanh	13/09/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	126	3,00	Khá
56	151A100037	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/05/1997	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,88	Khá
57	151A100002	Nguyễn Anh	Thư	03/02/1995	Nữ	Khong	Kiên Giang	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	126	2,67	Khá
58	151A110217	Nguyễn Ngọc Thục	Hiền	05/12/1997	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Văn học	Văn - Truyền thông	126	2,67	Khá
59	151A110207	Trương Thị Ngọc	Huyền	06/08/1997	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Văn học	Văn - Truyền thông	126	2,68	Khá
60	151A110030	Cao Hồng	Thư	03/12/1997	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Văn học	Văn - Sư phạm	126	2,70	Khá
61	151A140145	Đỗ Gia	An	10/06/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,75	Khá
62	151A140696	Lương Khiết	Anh	12/08/1997	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	135	2,72	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
63	151A140535	Trần Thiên	Ân	08/03/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	129	2,90	Khá
64	151A140642	Nguyễn Vương Anh	Duy	21/08/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,50	Khá
65	151A140823	Lê Thị Thanh	Hiền	02/09/1997	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	3,03	Khá
66	151A030377	Nguyễn Vưu Phương	Khanh	10/10/1996	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,55	Khá
67	151A140299	Trần Duy	Khương	10/02/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	129	2,39	Trung bình
68	151A140754	Cao Nguyên Di	Linh	18/12/1997	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,45	Trung bình
69	151A140648	Huỳnh Châu Đại	Phát	23/03/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,48	Trung bình
70	151A080524	Trần Phú	Thịnh	19/02/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	132	2,37	Trung bình
71	151A140714	Lý Minh	Thư	28/09/1997	Nữ	Kinh	Bến Tre	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,86	Khá
72	151A140684	Trịnh Võ Mạnh	Tiến	28/05/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,59	Khá
73	151A140637	Đặng Xuân	Trường	08/09/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,39	Trung bình
74	151A140699	Lê Nguyễn Hồng	Vy	12/08/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	3,01	Khá
75	151A150460	Nguyễn Đào Xuân	An	01/11/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	2,79	Khá
76	151A150134	Chiêm Nguyễn Tiểu	Bình	24/02/1997	Nữ	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,59	Khá
77	151A150482	Bùi Thị Diễm	Kiều	30/01/1997	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,56	Khá
78	151A150239	Phạm Thị Diệu	Linh	01/06/1997	Nữ	Kinh	Bình Phước	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,52	Khá
79	151A150285	Nguyễn Thị	Ngân	20/04/1997	Nữ	Kinh	Bình Định	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,75	Khá
80	151A150562	Nguyễn Lê Anh	Phương	08/11/1997	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,35	Trung bình
81	151A150711	Lương Khiết	Quân	27/03/1995	Nữ	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,73	Khá
82	151A150788	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	17/11/1997	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	3,54	Giỏi
83	151A150160	Đoàn Thị Ái	Thi	30/09/1997	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đông phương học	Nhật Bản học	129	2,01	Trung bình
84	151A150414	Võ Thị Bảo	Trân	04/01/1997	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Đông phương học	Nhật Bản học	126	3,08	Khá
85	151A150333	Nguyễn Mỹ	Yến	18/12/1997	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	2,96	Khá
86	161A010061	Nguyễn	Kiên	08/02/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	126	2,45	Trung bình
87	161A010026	Phan Hà Xuân	Son	28/05/1997	Nam	Kinh	Quảng Nam	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	126	2,56	Khá
88	161A010017	Nguyễn Xuân	Tiến	26/12/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	126	2,76	Khá
89	161A020018	Phạm Huy	Thành	29/05/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	126	2,69	Khá
90	161A020024	Lê Quang	Vinh	10/07/1997	Nam		TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	126	2,42	Trung bình
91	161A030754	Nguyễn Trường	An	10/04/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	126	2,83	Khá
92	161A031157	Trần Thị Hoàng	Anh	29/11/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,69	Khá
93	161A030375	Nguyễn Dũng Minh	Châu	17/07/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	126	2,85	Khá
94	161A030378	Quách Mỹ	Dinh	22/09/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	132	2,89	Khá
95	161A030554	Cao Thị Mỹ	Dung	07/05/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	3,16	Khá
96	161A030676	Vòng Quang	Dũng	01/08/1998	Nam	Hoa	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,54	Khá
97	161A031055	Hồ Linh Thùy	Dương	11/12/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	129	2,74	Khá
98	161A031079	Phạm Minh	Hào	24/10/1998	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	126	3,21	Giỏi

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
99	161A030081	Lê Thị Hồng	Hạnh	11/07/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	126	2,77	Khá
100	161A031130	Thiều Thị Thanh	Hằng	16/09/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,68	Khá
101	161A030816	Phạm Thị Thu	Hiền	15/05/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	3,07	Khá
102	161A030623	Huỳnh Thanh	Hoa	23/02/1998	Nữ	Kinh	Bình Phước	Quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính doanh nghiệp	129	2,62	Khá
103	161A031147	Trần Thị Cẩm	Hồng	16/01/1998	Nữ	Kinh	Bến Tre	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,83	Khá
104	161A030270	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	03/10/1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,45	Trung bình
105	161A030223	Trần Minh	Hưng	26/03/1997	Nam		TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,62	Khá
106	161A030538	Trần Sơn	Lâm	28/06/1998	Nam		Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,60	Khá
107	161A030936	Lê Văn	Lập	20/03/1996	Nam	Kinh	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp thủy sản	126	2,98	Khá
108	161A030381	Nguyễn Thị Trúc	Linh	26/09/1998	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,59	Khá
109	161A031000	Tạ Lâm Mỹ	Lụa	25/09/1997	Nữ	Hoa	Kiên Giang	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	129	2,66	Khá
110	161A031161	Đinh Thị Hồng	Ngọc	08/05/1998	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,82	Khá
111	161A080090	Nguyễn Quỳnh	Như	28/01/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	132	2,87	Khá
112	161A030326	Nguyễn Hà Kiều	Oanh	02/12/1998	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,65	Khá
113	161A030639	Nguyễn Hữu	Thành	16/10/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	129	2,22	Trung bình
114	161A030386	Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/11/1998	Nữ		TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	129	2,89	Khá
115	161A030175	Nguyễn Đức	Thiện	09/02/1998	Nam		TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	126	2,33	Trung bình
116	161A030357	Phan Thị Đoan	Trang	18/02/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	3,07	Khá
117	161A030844	Lê Mai	Trăm	10/01/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	129	2,93	Khá
118	161A031101	Lý Thùy Bảo	Trân	23/11/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	126	2,87	Khá
119	161A030568	Chung Thanh	Trí	30/12/1998	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	126	2,93	Khá
120	161A030677	Trần Dương Minh	Trí	30/07/1998	Nam	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,60	Khá
121	161A030018	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	24/12/1997	Nữ		Bình Phước	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	132	2,61	Khá
122	161A030527	Trịnh Minh	Tuấn	24/10/1997	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	126	2,42	Trung bình
123	161A031083	Vương Thị Cẩm	Tú	12/02/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	129	3,22	Giỏi
124	161A030719	Nguyễn Hoàng Thúy	Vy	17/10/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	126	2,87	Khá
125	161A031076	Nguyễn Thế Kim	Yến	18/02/1998	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	126	2,84	Khá
126	161A030377	Phạm Thị Hồng	Yến	27/06/1998	Nữ		TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	132	3,00	Khá
127	161A070148	Lê Thị Ngọc	Huyền	10/02/1997	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	126	2,71	Khá
128	161A070277	Vi Diễm	Trinh	10/04/1997	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	126	2,93	Khá
129	161A080169	Phan Nguyên Lam	Anh	10/01/1998	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,92	Khá
130	161A080156	Phạm Thị Đông	Anh	31/12/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,76	Khá
131	161A080229	Nguyễn Thị Phương	Dung	30/10/1998	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	3,39	Giỏi
132	161A080514	Diệp Thị Kim	Hằng	08/08/1998	Nữ	Kinh	Bến Tre	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,79	Khá
133	161A080485	Phan Thanh	Hùng	16/08/1997	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	129	2,67	Khá
134	161A080250	Trương Thị Mộng	Khánh	13/04/1998	Nữ	Khong	Bình Định	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,66	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
135	161A080245	Trần Thị Hồng	Lan	21/08/1998	Nữ	Kinh	Long An	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,78	Khá
136	161A080465	Nguyễn Tùng	Lâm	10/01/1998	Nam	Kinh	Thái Bình	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,76	Khá
137	161A080270	Nguyễn Trương Ngọc	Linh	17/10/1997	Nữ	Kinh	Khánh Hòa	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,96	Khá
138	161A080080	Trần Dương Thủy	Ngọc	20/08/1997	Nữ	Kinh	Cà Mau	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,87	Khá
139	161A080205	Lưu Thị Ngọc	Nguyên	06/11/1998	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,58	Khá
140	161A080121	Huỳnh Điệp	Nhi	14/07/1998	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,82	Khá
141	161A080280	Huỳnh Anh	Tuấn	12/05/1998	Nam	Kinh	Hậu Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	126	2,70	Khá
142	161A090068	Phan Thị Huỳnh	Mai	12/11/1998	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Xã hội học	Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội	126	3,16	Khá
143	161A090063	Nguyễn Ngọc Diệp	Thúy	21/03/1998	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Xã hội học	Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội	126	2,61	Khá
144	161A100145	Đinh Vũ Khánh	Duy	09/06/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,82	Khá
145	161A100059	Trần Quang	Huy	19/04/1998	Nam	Khong	TP. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,73	Khá
146	161A100015	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	23/04/1998	Nữ	Kinh	Long An	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,76	Khá
147	161A100144	Huỳnh Thảo	Nhi	01/12/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,61	Khá
148	161A100133	Đinh Thị	Yến	05/03/1998	Nữ		Đồng Nai	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	126	2,89	Khá
149	161A110082	Phan Bích	Trâm	13/07/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Văn học	Văn - Sư phạm	126	2,85	Khá
150	161A140300	Đào Thụy Mai	Anh	21/10/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,83	Khá
151	161A140268	Giang Gia	Hào	18/11/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	3,11	Khá
152	161A140456	Nguyễn Thị Thu	Hồng	28/09/1998	Nữ		Lâm Đồng	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh	129	2,37	Trung bình
153	161A140137	Đỗ Thị Kim	Liều	03/04/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,80	Khá
154	161A140434	Nguyễn Lê Diễm	My	04/12/1998	Nữ		TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,56	Khá
155	161A140554	Đỗ Thị Tuyết	Nga	11/10/1998	Nữ	Khong	Đồng Nai	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,60	Khá
156	161A140179	Huỳnh Thị Bích	Ngân	02/10/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,91	Khá
157	161A140538	Nguyễn Hoàng	Ngọc	03/06/1998	Nữ	Khong	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,42	Trung bình
158	161A140304	Nguyễn Đình Phương	Nguyên	03/08/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	3,06	Khá
159	161A140124	Nguyễn Thị Hồng	Phương	06/09/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,45	Trung bình
160	161A140127	Trương Minh	Quốc	20/08/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	3,10	Khá
161	161A140469	Trần Thị Kim	Thoại	07/03/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,58	Khá
162	161A140568	Nguyễn Thị	Thu	12/12/1998	Nữ		Vĩnh Phúc	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,87	Khá
163	161A140476	Phạm Thị Kiều	Trang	08/03/1998	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,48	Trung bình
164	161A140465	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	15/01/1998	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh	129	2,58	Khá
165	161A140272	Phan Thị Minh	Trúc	26/03/1998	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,81	Khá
166	161A140527	Nguyễn Thị Ánh	Vân	10/05/1998	Nữ	Khong	Bình Thuận	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	129	2,94	Khá
167	161A140560	Trương Tường	Vi	12/12/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	126	2,38	Trung bình
168	161A150088	Đặng Như	Bình	26/08/1998	Nữ	Kinh	Bạc Liêu	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	2,88	Khá
169	161A150062	Trương Thị Thanh	Duyên	04/10/1998	Nữ		TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	2,51	Khá
170	161A150220	Võ Thế	Dũng	15/09/1998	Nam		TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,70	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
171	161A150181	Lâm Thị Chúc	Đào	03/06/1998	Nữ	Khomer	Sóc Trăng	Đông phương học	Hàn Quốc học	129	3,28	Giỏi
172	161A150001	Tổng Thị A	Khuong	15/08/1997	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,83	Khá
173	161A150033	Thái Lư Gia	Linh	16/06/1996	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	3,16	Khá
174	161A150348	Nguyễn Kim Hoàng	Nhân	26/06/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	3,60	Xuất sắc
175	161A150330	Nguyễn Lý Minh	Nhật	28/11/1998	Nam	Khong	Tiền Giang	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,83	Khá
176	161A150133	Đặng Lý Thanh	Phuong	18/02/1998	Nữ		TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	3,08	Khá
177	161A150228	Dương Ngọc	Quyền	21/09/1997	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	2,87	Khá
178	161A150009	Bùi Thiện	Son	24/01/1995	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	2,78	Khá
179	161A150032	Lư Nhã	Tiền	11/03/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	126	3,00	Khá
180	161A150403	Nguyễn Huỳnh Hải	Yến	19/12/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	126	2,85	Khá
181	161A160098	Nguyễn Thị	Diễm	30/10/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	129	2,43	Trung bình
182	161A160072	Phan Thiện Minh	Nguyệt	16/10/1997	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	2,82	Khá
183	161A160047	Hoàng Duy	Nhất	20/11/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	129	3,07	Khá
184	161A160137	Lã Thi Yến	Nhi	11/07/1998	Nữ	Kinh	An Giang	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	2,57	Khá
185	161A160084	Mai Thị	Nhung	27/02/1994	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	2,98	Khá
186	161A160015	Nguyễn Tấn Hoàng	Sang	28/10/1998	Nam	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	3,16	Khá
187	161A160116	Trần Khương	Tân	01/10/1997	Nam	Kinh	Bình Định	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	2,73	Khá
188	161A160095	Trần Thị Mộng	Thơ	19/03/1998	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	2,97	Khá
189	161A160120	Phạm Thị Thanh	Thúy	09/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Phước	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	2,78	Khá
190	161A160054	Nguyễn Thị Thủy	Tiền	09/07/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	3,07	Khá
191	161A160051	Nguyễn Hồng	Tú	11/01/1998	Nam	Kinh	Bình Phước	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	129	3,04	Khá
192	161A160035	Trần Anh	Vĩ	22/10/1992	Nam	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	126	3,65	Xuất sắc
193	171A010019	Nguyễn Hoàng Trang	Anh	12/01/1998	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	133	2,66	Khá
194	171A010051	Vũ Minh	Đức	02/10/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	136	3,31	Giỏi
195	171A010068	Trần Thêm	Giàu	12/10/1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	136	2,86	Khá
196	171A010053	Đào Anh	Hào	07/09/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	133	2,45	Trung bình
197	171A010125	Hoàng Bảo	Khanh	01/01/1999	Nam	Kinh	Nam Định	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	133	3,15	Khá
198	171A010069	Lê Thanh Bình	Nguyên	27/08/1999	Nam	Kinh	Đồng Nai	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	133	2,82	Khá
199	171A010076	Đặng Huỳnh Anh	Phuong	31/07/1997	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	136	3,38	Giỏi
200	171A010001	Nguyễn Minh	Trung	01/10/1993	Nam	Kinh	Tây Ninh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	136	3,28	Giỏi
201	171A010036	Nguyễn Ngọc Tường	Uyển	17/10/1999	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	133	2,68	Khá
202	171A020003	Huỳnh Anh	Duy	10/10/1999	Nam	Kinh	Tiền Giang	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	133	3,24	Giỏi
203	171A030326	Đặng Phan Kiều	Anh	23/04/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,08	Khá
204	171A030153	Đoàn Thị Hoàng	Anh	08/05/1999	Nữ	Khong	Bình Phước	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	142	2,84	Khá
205	171A030342	Lê Phan Khá	Ái	18/02/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính doanh nghiệp	133	2,99	Khá
206	171A030364	Nguyễn Hoàng	Duy	26/07/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	139	3,21	Giỏi

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
207	171A030218	Nguyễn Tiến	Dũng	20/11/1998	Nam	Kinh	Gia Lai	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	142	3,03	Khá
208	171A030382	Nguyễn Hoàng	Dương	20/05/1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	139	3,08	Khá
209	171A030186	Trịnh Thị Thùy	Dương	23/11/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,09	Khá
210	171A030166	Bùi Bá	Đạt	03/09/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	136	2,63	Khá
211	171A030328	Đỗ Tuấn	Đức	23/03/1999	Nam	Kinh	Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,47	Giỏi
212	171A030316	Hồ Thụy Hương	Giang	03/10/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	139	2,79	Khá
213	171A030330	Võ Minh	Hiếu	23/10/1999	Nam	Kinh	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	136	3,21	Giỏi
214	171A030097	Trương Mỹ	Huyền	18/09/1999	Nữ	Kinh	Khánh Hòa	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	136	3,04	Khá
215	171A030137	Nguyễn Hà Trúc	Lài	08/07/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	136	2,99	Khá
216	171A030020	Ngô Nguyệt	Linh	01/09/1999	Nữ	Hoa	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	136	3,08	Khá
217	171A030348	Trần Thị Lam	Linh	27/07/1999	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	136	3,03	Khá
218	171A030280	Trần Vũ Trúc	Ly	28/07/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	2,92	Khá
219	171A030134	Trần Thị Thảo	Ly	28/03/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	139	2,90	Khá
220	171A030262	Dương Thị Diễm	Mi	12/10/1999	Nữ	Kinh	Long An	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	2,56	Khá
221	171A030594	Nguyễn Ngọc	Minh	11/02/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	2,82	Khá
222	171A030085	Lê Nhật Trà	My	29/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,06	Khá
223	171A030513	Nguyễn Ngọc Hiền	My	17/09/1999	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	2,78	Khá
224	171A030358	Nguyễn Thị Quỳnh	My	18/12/1998	Nữ	Kinh	Bình Định	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,10	Khá
225	171A030267	Lê Thị Thanh	Nga	06/11/1999	Nữ	Kinh	Bình Phước	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,44	Giỏi
226	171A030473	Đồng Thị Bích	Ngọc	04/09/1999	Nữ	Kinh	Hải Dương	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	3,29	Giỏi
227	171A030076	Nguyễn Phương Thảo	Nguyên	24/09/1999	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	133	3,34	Giỏi
228	171A030235	Trương Trọng	Nhân	27/06/1999	Nam	Kinh	Quảng Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	139	3,09	Khá
229	171A140053	Nguyễn Kim	Nhi	17/08/1999	Nữ	Kinh	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,31	Giỏi
230	171A030510	Đinh Phương	Nhung	08/06/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	2,72	Khá
231	171A030135	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	13/04/1999	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Marketing	136	2,95	Khá
232	171A030304	Trịnh Thị Hồng	Như	12/03/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	2,85	Khá
233	171A030540	Diệp Hưng	Phát	24/07/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	133	2,70	Khá
234	171A030489	Treng Đức	Phú	03/10/1996	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	139	3,26	Giỏi
235	171A030106	Ngô Huỳnh Thanh	Phương	28/05/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	133	2,92	Khá
236	171A030449	Nguyễn Ngọc Thiên	Phương	05/02/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	2,74	Khá
237	171A030268	Dương Thị Ngọc	Quyền	23/06/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	133	3,23	Giỏi
238	171A030356	Trần Nguyễn Minh	Tân	25/03/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,08	Khá
239	171A030196	Dương Thị Thu	Thảo	27/04/1999	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,40	Giỏi
240	171A030264	Hồ Kim	Thoa	17/03/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	3,06	Khá
241	171A030339	Ngô Kim	Thoa	27/07/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,08	Khá
242	171A030384	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	25/05/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	2,93	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
243	171A030400	Nguyễn Thị	Thúy	19/05/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	133	3,34	Giỏi
244	171A030291	Lê Thị Kiều	Trang	09/09/1999	Nữ	Kinh	Trà Vinh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,41	Giỏi
245	171A030087	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	07/11/1999	Nữ	Kinh	Long An	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	2,83	Khá
246	171A030331	Nguyễn Bảo	Trân	16/09/1999	Nữ	Kinh	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	133	2,59	Khá
247	171A030215	Phan Hỷ	Trân	02/03/1999	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	136	3,21	Giỏi
248	171A010013	Đoàn Minh	Triều	10/07/1999	Nam	Kinh	Bến Tre	Quản trị kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	136	2,42	Trung bình
249	171A030187	Lê Thị Lệ	Trinh	26/03/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị kinh doanh	Kế toán - Kiểm toán	133	2,73	Khá
250	171A030366	Phạm Thị Tuyết	Trinh	10/09/1999	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính doanh nghiệp	133	3,25	Giỏi
251	171A030311	Nguyễn Thanh	Trung	09/03/1999	Nam	Kinh	Tây Ninh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	133	3,11	Khá
252	171A030118	Huỳnh Thanh	Trúc	03/02/1999	Nữ	Kinh	Trà Vinh	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,22	Giỏi
253	171A030101	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	04/01/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	139	3,00	Khá
254	171A030560	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	25/07/1999	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	2,80	Khá
255	171A030132	Nguyễn Thanh	Tùng	01/04/1999	Nam	Không	Đắk Nông	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	2,72	Khá
256	171A030253	Lê Thị Cẩm	Tú	05/05/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,04	Khá
257	171A030392	Hoàng Thị Thu	Uyên	04/03/1999	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	133	3,06	Khá
258	171A030210	Huỳnh Thị Trúc	Uyên	11/11/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	142	3,39	Giỏi
259	171A030335	Phạm Thị Tường	Vy	26/04/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	133	3,21	Giỏi
260	171A030317	Trần Thị Thúy	Vy	25/10/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,00	Khá
261	171A030332	Trịnh Bảo	Yến	19/10/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,00	Khá
262	171A070075	Lưu Thị Kim	Ánh	01/10/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	133	2,87	Khá
263	171A070113	Nguyễn Việt	Cường	16/10/1999	Nam	Kinh	Gia Lai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch	133	2,54	Khá
264	171A070144	Thái Ngọc	Hoa	15/11/1999	Nữ	Hoa	An Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	133	2,79	Khá
265	171A070176	Huỳnh Thị Phương	My	15/10/1999	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch	133	2,77	Khá
266	171A070001	Trần Thanh Duy	Nghĩa	02/11/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch	133	2,75	Khá
267	171A070063	Nguyễn Hữu	Phát	23/04/1999	Nam	Kinh	Tiền Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch	133	2,82	Khá
268	171A070154	Võ Văn	Phi	19/11/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	133	3,17	Khá
269	171A070165	Nguyễn Tuấn	Thạnh	10/01/1999	Nam	Kinh	Tây Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch	133	2,53	Khá
270	171A070038	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	15/05/1999	Nữ	Kinh	An Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	133	2,77	Khá
271	171A070078	Vũ Lâm Trung	Tín	15/12/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	133	2,83	Khá
272	171A070031	Lê Mai	Trinh	29/11/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Hướng dẫn du lịch	133	2,89	Khá
273	171A080036	Phạm Huỳnh Nam	Anh	04/11/1999	Nam	Kinh	Bình Dương	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	3,05	Khá
274	171A080053	Phạm Văn	Anh	07/01/1999	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,56	Khá
275	171A080154	Tạ Thị Quốc	Anh	14/09/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	3,19	Khá
276	171A080115	Nguyễn Tuấn	Cường	18/10/1999	Nam	Kinh	Tây Ninh	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	2,93	Khá
277	171A080190	Trần Mỹ	Duyên	01/08/1999	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	3,66	Xuất sắc
278	171A080267	Mai Ngọc	Hà	07/01/1999	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	2,73	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
279	171A080161	Nguyễn Thị	Hồng	13/08/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	2,74	Khá
280	171A080153	Bùi Quang	Huy	30/09/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,70	Khá
281	171A080122	Nguyễn Hoàng	Khải	12/03/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,59	Khá
282	171A080257	Huỳnh Dĩ	Khiêm	04/08/1999	Nam	Kinh	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,76	Khá
283	171A080016	Trần Nguyễn Thanh	Mai	21/01/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,96	Khá
284	171A080201	Dương Thị Nga	Muội	30/04/1999	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	3,01	Khá
285	171A080247	Nguyễn Thị Diễm	My	25/02/1999	Nữ	Kinh	An Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	3,05	Khá
286	171A080027	Lê Thị Diễm	Trang	13/04/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,76	Khá
287	171A080244	Lê Thanh	Tuấn	12/09/1998	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,75	Khá
288	171A080138	Nguyễn Thị Nhật	Vy	13/09/1999	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,93	Khá
289	171A080065	Võ Thị Kim	Yến	21/11/1999	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,74	Khá
290	171A090034	Phạm Thị Bội	Linh	01/02/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Xã hội học	Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội	133	2,82	Khá
291	171A100073	Lưu Gia	Bảo	09/08/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	133	2,79	Khá
292	171A100021	Ngô Hồng	Đẹp	01/01/1999	Nữ	Kinh	Bạc Liêu	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	133	3,20	Giỏi
293	171A100036	Nguyễn Hồng Quỳnh	Giang	27/07/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,19	Khá
294	171A100044	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	08/08/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,26	Giỏi
295	171A100029	Nguyễn Ngọc	Hân	11/02/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,46	Giỏi
296	171A100058	Võ Xuân	Hết	27/09/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	133	3,13	Khá
297	171A100006	Lê Nguyễn Ngọc	Hoài	17/02/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	2,65	Khá
298	171A100031	Văn Tú	Linh	24/03/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	2,83	Khá
299	171A100033	Nguyễn Đình	Luân	13/02/1999	Nam	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,29	Giỏi
300	171A100042	Lâm Mộng	Nghi	25/05/1999	Nữ	Kinh	Bạc Liêu	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,42	Giỏi
301	171A100028	Lê Thị Thảo	Nguyên	19/02/1995	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,08	Khá
302	171A100062	Trần Hoàng	Như	10/08/1998	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	133	2,79	Khá
303	171A100041	Thái Ngọc	Thanh	18/09/1999	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Tâm lý học	Tham vấn và Trị liệu tâm lý	133	3,15	Khá
304	171A100009	Dương Thị Thanh	Vẹn	30/11/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Tâm lý học	Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự	133	3,20	Giỏi
305	171A110010	Phạm Nguyễn Thụy	Đan	24/03/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Văn học	Văn - Sư phạm	133	2,92	Khá
306	171A110024	Phạm Trung	Kiên	22/07/1999	Nam	Kinh	Ninh Bình	Văn học	Văn - Truyền thông	133	2,65	Khá
307	171A110028	Hứa Như	Ý	19/09/1999	Nữ	Kinh	Cà Mau	Văn học	Văn - Truyền thông	133	2,63	Khá
308	171A140268	Âu Thanh Bình	An	13/03/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,00	Khá
309	171A140243	Tăng Thoại	Bình	10/12/1999	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,10	Khá
310	171A140237	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/02/1999	Nữ	Kinh	Long An	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,76	Khá
311	171A140289	Lê Thị Mỹ	Kim	20/05/1999	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,77	Khá
312	171A140197	Huỳnh Hoàng	Lâm	08/01/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,70	Khá
313	171A140239	Lê Thị Yến	Lê	03/02/1999	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,02	Khá
314	171A140203	Nguyễn Thị Hoài	Mơ	11/03/1999	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,14	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
315	171A140251	Vũ Ngọc Trúc	Ngân	10/09/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,05	Khá
316	171A140306	Nguyễn Thị Như	Ngọc	18/08/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,37	Giỏi
317	171A150199	Nguyễn Thị Yên	Nhi	27/07/1997	Nữ	Kinh	Long An	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh	133	3,11	Khá
318	171A140035	Từ Trang Quỳnh	Như	14/12/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,30	Trung bình
319	171A140315	Nguyễn Thị	Nữ	18/01/1999	Nữ	Kinh	Khánh Hòa	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,17	Khá
320	171A140092	Đặng Hồng	Phúc	25/01/1999	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,01	Khá
321	171A140091	Tăng Hữu	Phúc	21/01/1997	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	136	3,51	Giỏi
322	171A140159	Vũ Dạ	Thảo	12/06/1999	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,02	Khá
323	171A140190	Trần Thị Hồng	Thơ	18/08/1999	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,15	Khá
324	171A140103	Trần Thị Thùy	Tiên	28/10/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,72	Khá
325	171A140097	Bùi Thị Ngọc	Trâm	04/06/1999	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,66	Khá
326	171A150171	Bùi Đình Bảo	Gia	11/06/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,52	Giỏi
327	171A150087	Nguyễn Thị	Hậu	04/01/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,69	Xuất sắc
328	171A150117	Đặng Duy	Hùng	14/11/1998	Nam	Kinh	Đồng Nai	Đông phương học	Nhật Bản học	133	2,77	Khá
329	171A150105	Trần Hồ Thảo	Ngân	23/02/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,65	Xuất sắc
330	171A150131	Võ Thị Ngọc	Nhung	06/04/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,70	Xuất sắc
331	171A150098	Kiều Thị Minh	Phượng	11/08/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,35	Giỏi
332	171A150001	Trần Xuân	Thanh	20/08/1997	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,52	Giỏi
333	171A150106	Phạm Hải Huỳnh	Tiên	23/11/1999	Nữ	Kinh	Bến Tre	Đông phương học	Nhật Bản học	133	3,37	Giỏi
334	171A150086	Bùi Bảo	Trân	22/11/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Đông phương học	Nhật Bản học	133	3,54	Giỏi
335	171A160083	Nguyễn Thị	Giang	21/01/1999	Nữ	Kinh	Nghệ An	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,58	Giỏi
336	171A160041	Nguyễn Văn	Hải	07/12/1999	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,15	Khá
337	171A160082	Nguyễn Ngọc	Hiền	04/09/1999	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,63	Xuất sắc
338	171A160054	Phan Thị Kim	Liên	01/05/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,33	Giỏi
339	171A160001	Nguyễn Thị Mỹ	Lý	09/05/1998	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,30	Giỏi
340	171A160021	Lương Hồng	Ngọc	13/06/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	2,86	Khá
341	171A160029	Mai Thị Bích	Ngọc	27/11/1999	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	136	3,44	Giỏi
342	171A160094	Huỳnh Thị Yên	Nhi	12/09/1999	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,01	Khá
343	171A160046	Trần Thị Yên	Nhi	25/02/1999	Nữ	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,21	Giỏi
344	171A160002	Trương Tuyết	Sang	08/04/1998	Nữ	Hoa	Long An	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,24	Giỏi
345	171A160090	Nguyễn Nữ Ngọc	Thanh	11/11/1999	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	2,82	Khá
346	171A160102	Lê Nguyễn Thanh	Trang	25/04/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,24	Giỏi
347	171A160015	Nguyễn Thanh	Yên	07/08/1999	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	2,88	Khá
348	171A170037	Nguyễn Thị	Hoa	12/02/1999	Nữ	Kinh	Bình Phước	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	2,85	Khá
349	171A170051	Nguyễn Thị	Hoa	25/12/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	3,02	Khá
350	171A140348	Lục Gia	Kỳ	27/09/1997	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	3,16	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
351	171A140375	Phạm Trần Kim	Ngân	28/03/1999	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	3,32	Giỏi
352	171A170048	Lâm Hạ	Quỳnh	13/07/1999	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	3,08	Khá
353	171A170024	Bùi Minh	Thư	07/05/1999	Nữ	Kinh	Bình Phước	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	2,57	Khá
354	181A030748	Chu Văn	An	22/06/2000	Nam	Kinh	Bình Phước	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,36	Giỏi
355	181A030645	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	08/03/2000	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	133	3,22	Giỏi
356	181A030573	Nguyễn Quỳnh	Chi	06/12/2000	Nữ	Kinh	Nam Định	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	133	3,18	Khá
357	181A030042	Huỳnh Thị Thanh	Dăng	10/08/2000	Nữ	Kinh	Bình Thuận	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	133	2,80	Khá
358	181A030045	Phạm Hồng	Duyên	29/06/2000	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,12	Khá
359	181A030572	Triệu Vĩ	Đặng	03/01/2000	Nam	Hoa	An Giang	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế	136	3,32	Giỏi
360	181A030148	Phạm Thị Ngọc	Giàu	10/10/2000	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,12	Khá
361	181A030025	Nguyễn Thị Ngân	Hoài	29/11/2000	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,36	Giỏi
362	181A030598	Lý Gia	Huy	06/08/2000	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,53	Giỏi
363	181A030495	Nguyễn Nhật Duy	Khanh	28/06/2000	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	2,76	Khá
364	181A030036	Trần Thị Trà	My	01/01/2000	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,36	Giỏi
365	181A030599	Phạm Hồng	Ngọc	03/01/2000	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,33	Giỏi
366	181A030605	Trần Thị Ngọc	Phương	18/06/2000	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,82	Xuất sắc
367	181A030405	Nguyễn Minh	Tâm	22/11/2000	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	133	2,86	Khá
368	181A050016	Dương Nhật	Tân	11/10/2000	Nam	Kinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	133	3,05	Khá
369	181A030647	Nguyễn Thị	Thùy	02/02/2000	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh thương mại	133	3,02	Khá
370	181A030406	Nguyễn Minh	Trang	22/11/2000	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	2,95	Khá
371	181A030034	Tổng Hoàng Bảo	Trân	04/09/1998	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân sự	133	3,05	Khá
372	181A030499	Trương Ngọc	Trân	03/05/2000	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,47	Giỏi
373	181A030021	Đặng Hoàng Tiểu	Yến	18/03/2000	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	133	3,40	Giỏi
374	181A030164	La Thị Kim	Yến	20/09/2000	Nữ	Kinh	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Marketing	133	3,50	Giỏi
375	181A030562	Trương Hà Phương	Duy	09/10/2000	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Kế toán	Kế toán	133	3,28	Giỏi
376	181A040068	Trần Thị Hà	Vy	03/10/2000	Nữ	Kinh	Bến Tre	Kế toán	Kế toán	133	2,50	Khá
377	181A050051	Nguyễn Hồ Ngọc	Chăm	08/08/2000	Nữ	Kinh	An Giang	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	133	3,29	Giỏi
378	181A080095	Nguyễn Phương	Tuấn	16/01/2000	Nam	Kinh	An Giang	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	133	3,49	Giỏi
379	181A080351	Phạm Minh	Anh	26/06/2000	Nữ	Kinh	Bạc Liêu	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	2,98	Khá
380	181A080171	Phạm Văn	Nhàn	12/02/2000	Nam	Kinh	Bến Tre	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn và khu du lịch	133	3,58	Giỏi
381	181A140021	Phú Vũ	Khang	10/08/2000	Nam	Kinh	Bạc Liêu	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,30	Giỏi
382	181A140503	Kim Trần Thảo	Nguyên	15/02/1998	Nữ	Kinh	Bình Dương	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh	133	3,16	Khá
383	181A140051	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	13/02/1999	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,11	Khá
384	181A140426	Vũ Nguyễn Anh	Thư	18/01/1999	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	136	3,11	Khá
385	181A140407	A	Trảo	03/03/1998	Nam	Rongao	Kon Tum	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	3,06	Khá
386	181A140484	Phan Thị Phương	Yên	09/04/2000	Nữ	Kinh	Tây Ninh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	133	2,82	Khá

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Ngành	Chuyên ngành	Tổng TCTL	ĐTB TL	Xếp loại
387	181A150332	Huỳnh Thị Thu	Ngân	02/11/2000	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,67	Xuất sắc
388	181A150317	Nguyễn Kim	Trọng	18/10/2000	Nam	Kinh	Đồng Nai	Đông phương học	Hàn Quốc học	133	3,72	Xuất sắc
389	181A160100	Hồ Văn	Được	10/01/2000	Nam	Kinh	Bình Định	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,06	Khá
390	181A160154	Huỳnh Nguyễn Khánh	Thị	28/01/2000	Nữ	Kinh	LÂM ĐỒNG	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	133	3,44	Giỏi
391	181A170158	Huỳnh Thị	Ánh	20/02/2000	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	3,37	Giỏi
392	181A170092	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	01/10/2000	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	136	3,37	Giỏi
393	181A170014	Phan Thị Tuyết	Nga	04/08/2000	Nữ	Kinh	An Giang	Ngôn ngữ Trung Quốc	Tiếng Trung thương mại	133	3,43	Giỏi
394	181A080361	Phạm Thị Thùy	Dương	05/03/2000	Nữ	Kinh	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	133	2,94	Khá
395	191A030001	Nguyễn Trường	Hưng	21/07/1992	Nam	Kinh	Tây Ninh	Quản trị kinh doanh	Quản trị tài chính doanh nghiệp	133	3,94	Xuất sắc
Liên thông Đại học chính quy khóa 2017, 2019, 2020												
396	193A010001	Đỗ Thị Kim	Xuyến	15/10/1995	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	47	3,79	Xuất sắc
397	193A030002	Trần Lâm Gia	Kỳ	23/01/1996	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	47	3,16	Khá
398	193A030009	Phan Thị	Ly	14/01/1992	Nữ	Kinh	Quảng trị	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	47	3,55	Giỏi
399	193A030013	Huỳnh Tuyết	Noãn	22/04/1992	Nữ		TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	47	3,21	Giỏi
400	193A140006	Nguyễn Ngọc	Chiêu	02/02/1990	Nữ	Kinh	Bến Tre	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	47	3,32	Giỏi
401	193A140009	Lê Thị Phương	Duyên	12/12/1992	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	47	3,05	Khá
402	193A140005	Hồ Thị Thùy	Linh	31/05/1990	Nữ	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	47	2,83	Khá
403	193A140008	Trần Thị Yến	Nhi	07/10/1991	Nữ	Kinh	Bến Tre	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	47	3,30	Giỏi
404	193A140007	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/10/1978	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	47	3,36	Giỏi
405	193A140004	Nguyễn Thị	Trí	06/06/1990	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại	47	3,05	Khá
406	203A010010	Trà Lê Tiến	Thành	05/05/1992	Nam	Kinh	Quảng Nam	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	47	2,99	Khá
407	203A010007	Nguyễn Văn	Trí	15/07/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin	47	3,53	Giỏi
408	203A070004	Võ Triệu	Nam	15/10/1983	Nam	Kinh	Đồng Nai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị lữ hành	50	3,76	Xuất sắc
409	175A030005	Dương Thanh	Nhàn	06/04/1990	Nam	Kinh	Kiên Giang	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	99	3,23	Giỏi
Tổng danh sách: 409 sinh viên												